

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-ST

Ngày: 22-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Minh Lý;

2/ Ông Võ Hùng Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành P**, sinh năm 1987 tại tỉnh Quảng Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã X, Hện L, tỉnh Quảng Bình. Nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Vĩnh T và bà Trần Thị H; có vợ Nguyễn Thị Ngọc A và 01 người con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 8, thị trấn P, Hện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 8, thị trấn P, Hện K, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 21/10/2019, Nguyễn Thành P đang ở phòng trọ tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương thì người nam tên H (không rõ nhân thân, lai lịch) điện thoại cho P hỏi mượn tiền thì P nói không có tiền. Lúc này H mới rủ P lên chỗ làm của P để tìm tài sản lấy trộm thì P đồng ý và kêu H đến phòng trọ của P

để đón P. Khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream (Không rõ biển số) đến phòng trọ của P chờ P đến chỗ làm của P tại khu 9, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Lúc này, do chỗ làm của P có người nên P và H chờ đến khoảng 01 giờ 30 ngày 22/10/2019 thì cả hai thấy chỗ làm vắng người nên P đứng ở ngoài cánh giới còn H đi bộ vào trong chỗ làm của P tìm tài sản để lấy trộm. Khoảng 15 phút sau, H đẩy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - đỏ, biển số 47M1-660.91 của ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1969, cư trú tại tổ 8, thị trấn Phước An, Hện Krông Băk, tỉnh Đắk Lắk ra chỗ của P. Sau đó, P leo lên xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - đỏ, biển số 47M1-660.91 để H điều khiển xe mô tô hiệu Honda Dream (Không rõ biển số) của H đẩy P và xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - đỏ, biển số 47M1-660.91 về nhà người nam tên Cảnh (Không rõ nhân thân lai lịch) là bạn của H và bán chiếc xe mô tô trên cho Cảnh với giá 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Lúc này, do không đủ tiền nên Cảnh hẹn H ngày mai sẽ trả tiền, thấy vậy H mới lấy số tiền 500.000 (Năm trăm ngàn) đồng của H đưa cho P rồi P bỏ đi về phòng trọ của P. Đến sáng ngày 22/10/2019, H đến gặp P và đưa cho P thêm số tiền 400.000 (Bốn trăm ngàn) đồng rồi bỏ đi. Đến ngày 24/10/2019, P biết chỗ làm của P kiểm tra camera và đã phát hiện ra P là người cùng tham gia lấy trộm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - đỏ, biển số 47M1-660.91 của ông A nên P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 19/KLTS-TTHS ngày 29/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - đỏ, biển số 47M1-660.91 trị giá: 11.000.000 (Mười một triệu) đồng.

Đối với người nam tên H là người đã cùng với P thực hiện hành vi Trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen - đỏ, biển số 47M1-660.9, và người nam tên Cảnh là người đã mua xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đen - đỏ biển số 47M1-660.91, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một chưa xác định được nhân thân, lai lịch của H và Cảnh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý sau.

Ông Nguyễn Văn A yêu cầu Nguyễn Thành P phải bồi thường số tiền 11.000.000 (Mười một triệu) đồng. Hiện nay, Nguyễn Thành P chưa bồi thường số tiền trên cho ông A.

Cáo trạng số 69/CT-VKS-HS ngày 12/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Nguyễn Thành P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Về biện A tư A: Không có.

Tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của A luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút, ngày 22/10/2019 tại khu 9, phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Thành P có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - đỏ biển số 47M1-660.91, trị giá 11.000.000 (mười một triệu) đồng. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được A luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm A luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của A luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo và H cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. H là người lấy trộm xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen - đỏ, biển số 47M1 - 660.91, còn bị cáo P đứng ngoài cảnh giới. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một chưa xác định được nhân thân, lai lịch của H, do đó, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng, bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành P 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2019.

3/ Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp A luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở Tư A tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THA thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Châu Giang